

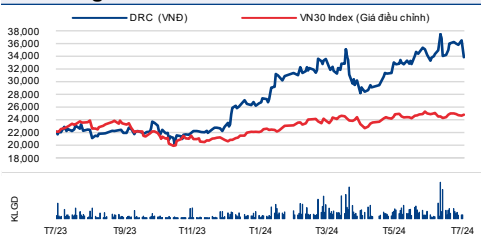
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ39,400
Tiềm năng tăng/giảm: 16.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/7/2024)	33,850
Mã Bloomberg	DRC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,201-37,450
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	35,517
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,021
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	159
Slg CP lưu hành (tr.đv)	119
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	58.2
Slg CP NN được mua (tr.đv)	42.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	13.0%
Tỷ lệ freefloat	41.4%
Cổ đông lớn	in Hóa chất Việt Nam (50.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	4,495	5,230	6,145
EBITDA đc (tỷ đồng)	397	497	613
LNTT (tỷ đồng)	307	370	466
LNT ĐC (tỷ đồng)	223	267	335
FCF (tỷ đồng)	426	330	329
EPS ĐC (đồng)	1,881	2,245	2,824
DPS (đồng)	1,200	1,500	1,500
BVPS (đồng)	15,594	16,589	18,227
T.trưởng EBITDA (%)	(4.70)	25.0	23.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.6)	19.4	25.8
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.84	9.49	9.97
Tỷ suất LNTT (%)	6.84	7.08	7.58
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.52	5.67	6.07
Tỷ lệ LN trả CT (%)	57.4	60.1	47.8
Nợ thuần/VCSH (%)	20.6	34.0	31.1
ROAE (%)	13.2	15.5	18.0
ROACE (%)	16.5	19.9	22.6
EV/doanh thu (lần)	0.95	0.87	0.74
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.8	9.18	7.41
P/E ĐC (lần)	18.0	15.1	12.0
P/B (lần)	2.17	2.04	1.86
Lợi suất cổ tức (%)	3.55	4.43	4.43

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DRC là một trong những doanh nghiệp nội địa sản xuất lốp xe lớn nhất Việt Nam và là thành viên của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2024: Lợi nhuận tăng mạnh, sát dự báo

- DRC vừa công bố KQKD Q2/2024 với lợi nhuận thuần đạt 77 tỷ đồng (tăng 52% svck và tăng 57% so với quý trước) trên doanh thu thuần 1.364 tỷ đồng (tăng 17% svck và tăng 40% so với quý trước). Kết quả này sát với dự báo của HSC.
- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2024 đạt lần lượt 2.337 tỷ đồng (tăng 3% svck) và 127 tỷ đồng (tăng 66% sock), trên mức nền thấp của năm ngoái. Với kết quả trên, DRC đạt lần lượt 45% và 43% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi.
- HSC dự báo tăng trưởng lợi nhuận trong nửa cuối năm 2024 sẽ giảm tốc do nửa cuối năm 2023 có mức nền cao. Hơn nữa, nếu vấn đề tắc nghẽn cảng kéo dài, KQKD thực tế sẽ thấp hơn dự báo. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối và giá mục tiêu 39.400đ (tiềm năng tăng giá 16%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

KQKD Q2/2024 của DRC sát với dự báo của chúng tôi, với lợi nhuận thuần tăng mạnh so với cùng kỳ và quý trước, đạt 77 tỷ đồng trên doanh thu thuần 1.364 tỷ đồng.

Trong nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần tăng 3% so với cùng kỳ trong khi lợi nhuận thuần tăng 66% so với cùng kỳ nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện, đạt lần lượt 45% và 43% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

Doanh thu thuần tăng 17% so với cùng kỳ và 40% so với quý trước

Doanh thu thuần Q2/2024 tăng đáng kể so với Q2/2023 và Q1/2024, nhờ doanh thu tăng ở cả hai thị trường, trong nước và xuất khẩu.

- Doanh thu xuất khẩu tăng 4% so với cùng kỳ và tăng 30% so với quý trước đạt 34,7 triệu USD, nhờ đồng USD tăng giá cộng với công suất sản xuất lốp TBR (lốp radial cho xe tải/xe buýt) tăng và tăng trưởng ở lốp PCR (lốp radial cho xe du lịch/xe con).
- Trong khi đó, doanh thu trong nước cũng tăng mạnh 40% so với cùng kỳ và 57% so với quý trước đạt 540 tỷ đồng nhờ doanh thu tháng 6/2024 tăng mạnh. Do DRC sẽ tăng 3% giá bán tại thị trường trong nước từ tháng 7/2024, doanh thu trong nước trong tháng 6/2024 cũng tăng do các nhà phân phối tích lũy hàng trước khi giá bán mới chính thức được áp dụng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, DRC

LN thuần Q2/2024 tăng mạnh svck & quý trước, sát với ước tính của HSC

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ	% dự báo HSC
Doanh thu thuần	1,162	1,364	17.4%	40.2%	2,274	2,337	2.8%	44.7%
Lợi nhuận gộp	145	274	88.8%	69.5%	260	436	67.5%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	0.6	5.1	793.3%	95.5%	(4)	8	N.a	
Chi phí BH&QL	(83)	(182)	118.7%	72.2%	(165)	(287)	74.0%	
LNTT	63	97	54.6%	67.7%	92	156	69.0%	42.0%
Lợi nhuận thuần	51	77	52.4%	57.3%	76	127	66.2%	42.7%
Tỷ suất LN gộp	12.5%	20.1%			11.4%	18.7%		
Chi phí BH&QL/Doanh thu	-7.2%	-13.3%			-7.3%	-12.3%		
Tỷ suất LNTT	5.4%	7.1%			4.0%	6.7%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	4.4%	5.7%			3.4%	5.4%		

Nguồn: DRC, HSC

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng mạnh, đa phần nhờ cơ cấu sản phẩm tốt hơn

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 tăng lên 20,1% (cao hơn mức 12,5% trong Q2/2023 và 16,6% trong Q1/2024) nhờ sản lượng tiêu thụ tăng, cơ cấu sản phẩm tốt hơn (với tỷ trọng doanh thu trong nước/tổng doanh thu tăng), và đồng USD tăng giá đã hỗ trợ tích cực lên tỷ suất lợi nhuận ở phân khúc xuất khẩu.

Trong quý, mảng lớp PCR cũng đạt điểm hòa vốn về mặt tỷ suất lợi nhuận gộp (tỷ suất lợi nhuận gộp trong các quý trước ở mức -20%), nhờ sản lượng tiêu thụ tăng mạnh (92.610 chiếc, gấp 7,4 lần svck và tăng 10% so với quý trước).

Chi phí bán hàng & quản lý tăng do chi phí logistics

Chi phí bán hàng & quản lý trong Q2/2024 tăng 119% svck (và tăng 72% so với quý trước) lên 182 tỷ đồng. Trong đó, chi phí bán hàng tăng 156% svck (tăng 82% so với quý trước) lên 158 tỷ đồng. Chi phí vận chuyển container cao là nguyên nhân chính dẫn đến chi phí bán hàng tăng trong quý.

Trong khi DRC xuất khẩu FOB (các nhà nhập khẩu chịu phí vận chuyển), Công ty vẫn phải hỗ trợ cho khách hàng nước ngoài do giá vận chuyển tăng (bằng cách chia sẻ một phần chi phí vận chuyển).

Do đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu đã tăng lên 13,3% trong Q2/2024, từ mức 7,2% trong Q2/2023 và 10,8% trong Q1/2024.

Nửa cuối năm 2024: Tăng trưởng lợi nhuận giảm tốc

HSC dự báo lợi nhuận thuần nửa cuối năm 2024 đạt 170 tỷ đồng, tăng 34% so với nửa đầu năm nhưng giảm 1% svck, dựa trên mức nền cao của năm 2023. Những khó khăn về logistics, do nghẽn cảng và giá cước vận chuyển tăng cao nếu kéo dài có thể ảnh hưởng đến doanh thu xuất khẩu của DRC trong nửa cuối 2024 và dẫn đến KQKD thực tế thấp hơn dự báo của chúng tôi.

Thực tế, từ tháng 6/2024, doanh thu xuất khẩu bị ảnh hưởng, giảm xuống còn 10,2 triệu USD, thấp hơn so với mức 12-12,5 triệu USD trong tháng 4-5/2024. Có đến 20% đơn hàng từ Brazil không xuất khẩu được trong tháng do thiếu container (vì các hãng tàu hiện ưu tiên vận chuyển hàng Trung Quốc do Mỹ sẽ tăng thuế từ ngày 1/8/2024). Chúng tôi kỳ vọng tình hình sẽ được cải thiện từ tháng 8/2024, nếu không, KQKD thực tế sẽ thấp hơn dự báo của chúng tôi.

Trong khi đó, HSC dự báo doanh thu bán hàng trong nước của tháng 7 sẽ giảm so với tháng trước, sau khi các nhà phân phối tích trữ đủ hàng trong tháng 6, động thái chuẩn bị cho đợt tăng giá bán của DRC.

Duy trì khuyến nghị, dự báo lợi nhuận và giá mục tiêu

HSC giữ nguyên dự báo cho DRC, với lợi nhuận thuần cho 2024 và 2025 dự báo đạt lần lượt 296 tỷ đồng (tăng 20%) và 373 tỷ đồng (tăng 26%) nhờ việc chính thức đưa vào vận hành giai đoạn 3 của Nhà máy lốp xe TBR.

Như đã đề cập, KQKD thực tế có thể thấp hơn dự báo nếu những khó khăn về logistics kéo dài, ảnh hưởng đến dự báo doanh thu xuất khẩu và tỷ suất lợi nhuận của HSC. Chúng tôi sẽ chờ đến tháng 8 và xem tình hình có cải thiện không trước khi tiến hành điều chỉnh dự báo lợi nhuận.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 39.400đ, với tiềm năng tăng giá là 16%.

Bảng 2: Ước tính lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2024, DRC

HSC dự báo lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2024 sẽ giảm nhẹ so với cùng kỳ, và cũng nhận thấy rủi ro kết quả thực hiện sẽ thấp hơn dự báo

Tỷ đồng	6 tháng cuối năm 2023	6 tháng cuối năm 2024	% sv cùng kỳ	% so với 6 tháng trước	2023	2024F	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	2,221	2,893	30.2%	23.7%	4,495	5,230	16.3%
Lợi nhuận thuần	171	170	-1.0%	34.0%	248	296	19.6%

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	4,899	4,495	5,230	6,145	6,775
Lợi nhuận gộp	813	651	922	1,111	1,243
Chi phí BH&QL	(397)	(340)	(528)	(621)	(684)
Thu nhập khác	1.40	0.30	0	0	0
Chi phí khác	(0.26)	0.20	(0.26)	(0.31)	(0.34)
EBIT	417	312	394	490	558
Lãi vay thuần	(30.2)	(4.56)	(23.3)	(24.2)	(22.3)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	387	307	370	466	536
Chi phí thuế TNDN	(78.2)	(59.4)	(73.9)	(92.9)	(107)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	308	248	296	373	429
Lợi nhuận thuần ĐC	278	223	267	335	386
EBITDA ĐC	417	397	497	613	687
EPS (đồng)	2,597	2,089	2,495	3,138	3,612
EPS ĐC (đồng)	2,337	1,881	2,245	2,824	3,250
DPS (đồng)	1,800	1,200	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	119	119	119	119	119
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	119	119	119	119	119
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	119	119	119	119	119

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	155	321	175	216	341
Đầu tư ngắn hạn	210	134	105	92.2	136
Phải thu khách hàng	257	456	519	609	672
Hàng tồn kho	1,710	1,185	1,308	1,506	1,626
Các tài sản ngắn hạn khác	127	196	209	246	271
Tổng tài sản ngắn hạn	2,460	2,291	2,315	2,669	3,045
TSCĐ hữu hình	899	938	1,249	1,249	1,188
TSCĐ vô hình	2.03	1.32	0.61	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	11.6	129	129	129	129
Đầu tư vào Cty LD,LK	4.39	4.68	6.07	6.07	6.07
Tài sản dài hạn khác	43.8	42.8	49.8	58.4	64.3
Tổng tài sản dài hạn	960	1,115	1,434	1,443	1,387
Tổng cộng tài sản	3,420	3,407	3,749	4,112	4,433
Nợ ngắn hạn	686	565	605	649	648
Phả trả người bán	471	558	603	680	719
Nợ ngắn hạn khác	213	268	301	345	374
Tổng nợ ngắn hạn	1,508	1,529	1,670	1,860	1,947
Nợ dài hạn	0.69	24.9	109	86.9	69.5
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.42	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	1.11	24.9	109	86.9	69.5
Tổng nợ phải trả	1,509	1,554	1,778	1,946	2,016
Vốn chủ sở hữu	1,910	1,852	1,971	2,165	2,416
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.67	0.35	0.35	0.35	0.35
Tổng vốn chủ sở hữu	1,911	1,853	1,971	2,166	2,416
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,420	3,407	3,749	4,112	4,433
BVPS (đ)	16,082	15,594	16,589	18,227	20,338
Nợ thuần*/(tiền mặt)	532	269	539	520	377

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	417	312	394	490	558
Khấu hao	0	(85.2)	(103)	(123)	(129)
Lãi vay thuần	(30.2)	(4.56)	(23.3)	(24.2)	(22.3)
Thuế TNDN đã nộp	0	(59.4)	(73.9)	(92.9)	(107)
Thay đổi vốn lưu động	0	413	(140)	(212)	(143)
Khác	0	63.5	71.2	44.9	(19.8)
LCT thuần từ HKKD	28.4	426	330	329	395
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	0	(124)	(414)	(123)	(67.8)
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	0	0.74	(6.93)	(8.63)	(5.94)
LCT thuần từ HĐĐT	121	6.67	(422)	(132)	(73.7)
Cổ tức trả cho CSH	0	(143)	(178)	(178)	(178)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	0	(97.3)	124	22.7	(18.6)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(83.5)	(271)	(54.5)	(156)	(197)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	89.6	155	321	175	216
LCT thuần trong kỳ	65.7	162	(146)	41.6	125
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.02	3.71	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	155	321	175	216	341
Dòng tiền tự do	28.4	426	330	329	395

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	16.6	14.5	17.6	18.1	18.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.51	8.84	9.49	9.97	10.1
Tỷ suất LNT (%)	6.30	5.52	5.67	6.07	6.33
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.2	19.3	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	11.9	(8.24)	16.3	17.5	10.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	10.3	(4.70)	25.0	23.4	12.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	6.02	(19.5)	19.4	25.8	15.1
Tăng trưởng EPS (%)	6.02	(19.6)	19.4	25.8	15.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	6.02	(19.5)	19.4	25.8	15.1
Tăng trưởng DPS (%)	5.88	(33.3)	25.0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	69.3	57.4	60.1	47.8	41.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	16.7	13.2	15.5	18.0	18.7
ROACE (%)	22.6	16.5	19.9	22.6	23.6
Vòng quay tài sản (lần)	1.49	1.32	1.46	1.56	1.59
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.07	1.36	0.84	0.67	0.71
Số ngày tồn kho	153	113	111	109	107
Số ngày phải thu	23.0	43.3	44.0	44.2	44.3
Số ngày phải trả	42.1	52.9	51.1	49.3	47.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	33.8	20.6	34.0	31.1	22.6
Nợ/tài sản (%)	23.4	20.6	22.5	21.6	20.0
EBIT/lãi vay (lần)	13.8	68.4	16.9	20.3	25.0
Nợ/EBITDA (lần)	1.92	1.77	1.70	1.45	1.29
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.63	1.50	1.39	1.44	1.56
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.93	0.95	0.87	0.74	0.65
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.9	10.8	9.18	7.41	6.40
P/E (lần)	13.0	16.2	13.6	10.8	9.37
P/E ĐC (lần)	14.5	18.0	15.1	12.0	10.4
P/B (lần)	2.10	2.17	2.04	1.86	1.66
Lợi suất cổ tức (%)	5.32	3.55	4.43	4.43	4.43

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn